TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2017/DS – PT
Ngày: 07/8/2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Bùi Thế Xương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2017/TLPT- DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS – ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135a/2017/QĐ – PT ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: ông Huỳnh Thụy Vĩnh H, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: 33/1, Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ2, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Thân Trung Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:*

Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1954;

Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Võ Văn A, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: 143A1, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2016).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1971;

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P: ông Huỳnh Thụy Vĩnh H, sinh năm 1989(có mặt);

Địa chỉ: 33/1, Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ2, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2017).

2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1966 (có mặt);

3. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Huỳnh Kim X, sinh năm 1991;

5. Bà Huỳnh Kim X1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà X, bà X1: ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017).

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C – chức vụ: giám đốc.

Địa chỉ: số 1, đường T, phường 2, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/7/2017).

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp có từ ông Huỳnh Văn H (ông H là cha ông P) cho ông Huỳnh Văn P. Tổng diện tích đất mà ông P được cho là 2.676,6m^2 (đã bao gồm 100m^2 đất đang tranh chấp). Sau đó bà L và ông P mâu thuẫn nên đã ly hôn với nhau. Khi ly hôn bà L và ông P thỏa thuận để bà L sở hữu đất này để nuôi con chung ăn học. Ngày 19 tháng 5 năm 2016 bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này. Các anh chị em của ông P đều đã được ông H chia đều đất vào năm 1997. Vào khoảng năm 1998 bà Huỳnh Thị C mâu thuẫn với chồng nên ông P có cho bà C cất nhà ở tạm trên phần đất có diện tích khoảng 100m^2. Nay có nhu cầu sử dụng nên bà L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị C trả lại cho bà phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 52.44m^2, bà xin rút yêu cầu đối với phần đất có diện tích 47.56m^2 thuộc thửa 16 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Bà đồng ý cho các bị đơn phần đất khác có chiều ngang 05m, dài 10m, vị trí di dời đến phần ranh đất giáp thửa 15, để bà L thuận tiện hơn trong việc canh tác vì hiện tại nhà tạm của các bị đơn nằm giữa đất. Đối với phần cây trồng trên đất, căn nhà của ông P để thờ cúng ông bà thì bà không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì, bà không đồng ý hỗ trợ bị đơn di dời nhà và các công trình kiến trúc khác. Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, cụ thể là không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre đã cấp cho bà.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B là ông Võ Văn A trình bày:

Bị đơn đã cất nhà trên đất vào năm 1992, khi ông H còn sống, ông H hứa cho ở vĩnh viễn, đến khi ông H chết thì ông P mới được ở trên đất này. Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 trong hộ ông H có 08 người, nếu có chuyển nhượng đất này thì phải có sự đồng ý của tất cả những người còn lại trong hộ. Bên cạnh đó, bà B, bà C đã cất nhà trên đất trước khi ông P cưới bà L. Hơn nữa, khi ông P chuyển quyền sử dụng đất sang cho bà L thì đất này có tranh chấp với ông Q. Theo Luật Đất đai quy định, người chủ sử dụng đất chỉ được chuyển nhượng, chuyển đổi khi đất không có tranh chấp. Trong khi tháng 02 năm 2016 đất đang tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã T1 giải quyết chưa dứt diểm thì ông P chuyển tên cho bà L là vi phạm Luật Đất đai. Do đó, các bị

đơn không đồng ý di dời nhà và trả đất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời các bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P trình bày:

Vào năm 1997 cha ông là Huỳnh Văn H đã chia đất cho tất cả các anh chị em của ông, riêng ông thì được cha cho phần đất tranh chấp này. Khi cho thì đã có nhà bà C, bà B nhưng không nằm ở vị trí hiện tại mà nằm chòm ra lộ. Vì mở rộng lộ giới nên ông có cho bà C, bà B dời vô trong. Do đó, bà C, bà B chỉ được ông cho ở nhờ chứ không có cho vĩnh viễn. Hiện trên đất tranh chấp còn có ngôi nhà của ông để thờ cúng ông bà và các tài sản khác nhưng ông và bà L không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đất được cấp cho ông, ông chuyển cho bà L là sự tự nguyện nên ông không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L. Phần đất mà ông H cho bà C, bà B ở không còn nữa do phải giải tỏa để mở rộng tỉnh lộ 882.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L, ông P về nguồn gốc đất và thời điểm cha ông chia đất. Ông P được chia nhiều đất nhất, nhưng đã bán 03 lần để tiêu xài, những lần bán trước đây ông không hay nên không ngăn cản được. Phần đất đang tranh chấp là đất thờ cúng nên ông không đồng ý để ông P sang tên cho bà L. Vì phần đất này ông P chỉ được đứng tạm chủ quyền để thờ cúng chứ không phải cho ông P ở. Do đó, đất không phải của riêng ông P nên việc ông P chuyển tên cho bà L là không đúng. Ông thừa nhận là trước đây bà C, bà B không phải ở vị trí như hiện tại, mà vào đầu năm 1997 lúc ông H còn sống đã đứng ra chỉ vị trí hiện tại cho bà C, bà B cất nhà, vị trí cũ cách vị trí hiện tại 03 m về hướng phần đất ông P đứng tên giấy chứng nhận.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông N.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị X1 là ông Huỳnh Văn Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Văn N.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ Điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 170, 202 của Luật Đất đai;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L đối với phần đất có diện tích 47.56m^2 thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B phải di dời toàn bộ nhà ở và công trình phụ để hoàn trả diện tích đất là 52.44m^2 thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đố số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre cho nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L.

Thời hạn lưu cư là 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bác yêu cầu phản tố của các bị đơn bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị Ngọc L.

Ghi nhận bà Bùi Thị Ngọc L tự nguyện cho bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B diện tích đất ngang 05m x dài 10m thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đố số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2017 bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B và lời trình bày của đại diện hợp pháp của bà C, bà B là ông Võ Văn A tại phiên tòa phúc thẩm: bà C, bà B kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C, bà B, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị Ngọc L.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: về nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn H (cha của bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B). Tại phiên tòa phúc thẩm ông H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận bà C, bà B đã cất nhà ở trên đất từ năm 1992 và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà L là đã có nhà bà C, bà B trên đất. Đồng thời tại Tòa ông H cho

rằng phần đất tranh chấp ông P được cha là ông H tặng cho riêng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, khi cấp quyền sử dụng đất cho ông P, sau đó đến bà L đều không có ý kiến của bà C, bà B là không đúng quy trình. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà C, bà B trả phần đất diện tích 52.44m^2 là không có cơ sở, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Kháng cáo của bà C, bà B có cơ sở nên được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L về việc đòi bị đơn bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 52.44m^2 thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị Ngọc L.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bà C, bà B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất đang tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 52.44m^2 (đo thực tế diện tích nhà) thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hiện do bà Bùi Thị Ngọc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn H, là cha của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà L cho rằng phần đất này là của ông Huỳnh Văn P được ông H cho vào năm 1997 và ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2014 cấp đổi sổ lại mang tên hộ ông Huỳnh Văn P và bà Bùi Thị Ngọc L. Bà kết hôn với ông P vào năm 1998, do bà và ông P sống không hạnh phúc nên đã ly hôn theo quyết định số 119/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2016. Sau đó ông P và bà có văn bản thỏa thuận chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ sang tên cá nhân cho bà vào ngày 29 tháng 4 năm 2016. Đến ngày 19 tháng 5 năm 2016 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận thì có căn nhà của bà C, bà B. Do bà có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu bà C, bà B di dời nhà, để trả lại đất cho bà. Trong khi đó bà C, bà B cho rằng phần đất tranh chấp được ông Huỳnh Văn H cho hai bà vào năm 1992, hai bà đã cất nhà ở cho đến nay. Ngoài ra, phía bị đơn cho rằng phần đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 12 tọa lạc ấp T, xã T1 là của ông H. Phần đất này được cấp cho hộ ông Huỳnh Văn P vào năm 1997. Thời điểm này ông H là chủ hộ nhưng do ông P đi đăng ký kê khai nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Huỳnh Văn P. Năm 2014

cấp đổi sổ thì mang tên hộ ông Huỳnh Văn P và bà Bùi Thị Ngọc L. Đồng thời vào tháng 02 năm 2016 giữa ông Q và ông P có tranh chấp. Theo ông Q cho rằng phần đất này của ông H, nên khi ông H chết ông P quản lý, sau đó ông P có ý định bán đất nên ông tranh chấp. Sự việc này Ủy ban nhân dân xã T1 giải quyết. Tuy nhiên, việc tranh chấp chưa giải quyết thì ông P chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho cá nhân bà L là không đúng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn cũng thừa nhận bà C, bà B đã cất nhà ở trên đất từ năm 1992 và thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn P năm 1997, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn P và bà Bùi Thị Ngọc L năm 2014 là đã có nhà bà C, bà B trên đất. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất có diện tích 2.676,6m^2 (trong đó có một phần đất tranh chấp) thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Huỳnh Văn P, cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, đến năm 2014 cấp đổi sổ lại có đúng quy trình không? Việc ông P cho rằng ông H cho đất ông vào năm 1997 có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh không? Trong khi đó ông P và bà L đều thừa nhận là nguồn gốc đất của ông H. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của phía nguyên đơn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà L vào năm 2016 để cho rằng ông P chỉ cho bà C, bà B ở tạm, mà không xem xét đến thực tế sử dụng là không phù hợp. Trong khi chưa làm rõ các vấn đề trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà C, bà B di dời nhà và trả lại đất cho bà L là không đảm bảo quyền lợi của bà C, bà B và những người trong hộ của ông Huỳnh Văn P vào năm 1997. Cấp sơ thẩm cần phải xác minh làm rõ trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, cấp đổi lại năm 2014 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Ngoài ra, cấp sơ thẩm không làm rõ diện tích thực tế bị đơn đang sử dụng là bao nhiêu mà chỉ dựa vào biên bản định giá tài sản trên đất thể hiện căn nhà diện tích 52,44m^2 để tuyên buộc bà Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị B phải di dời toàn bộ nhà ở và C trình phụ để hoàn trả diện tích đất là 52.44m^2 thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đố số 02 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre cho nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L (có trích lục họa đồ kèm theo) là không chính xác. Trong khi đó họa đồ kèm theo thì bà L thừa nhận và chỉ ranh diện tích bà C, bà B sử dụng là 156m^2 từ năm 1997, không có phần đất nào trong trích lục họa đồ thể hiện diện tích như án đã tuyên.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS – ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

[5] Do bản án bị hủy nên bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc giải quyết lại theo thủ tục chung.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B, mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0008472, 0008473 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương